

BỘ Y TẾ
Số: 13-BYT/TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 7 năm 1994

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Hướng dẫn xếp hạng các doanh nghiệp ngành y tế

Thi hành Nghị định số 26/CP ngày 26/3/1993 của Chính phủ quy định tạm thời về chế độ tiền lương trong các doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 21/LĐ-TT ngày 17/6/1993 của Liên Bộ Lao động và Xã hội tại công văn số 2272/LĐTBXH-TL ngày 15 tháng 6 năm 1994 và Bộ Tài chính tại công văn số 1360/TC - CĐTC ngày 08 tháng 6 năm 1994;

Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn xếp hạng các doanh nghiệp thuộc ngành Y tế như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Mục đích yêu cầu của việc xếp hạng doanh nghiệp.

Làm căn cứ để xếp lương chức vụ đối với viên chức lãnh đạo doanh nghiệp.

Làm căn cứ để xác định mức phụ cấp chức vụ đối với viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó phòng và tương đương.

Làm căn cứ để giám đốc doanh nghiệp sử dụng hợp lý đội ngũ viên chức chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp với hạng và bảng lương quy định.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Các doanh nghiệp dược, trang thiết bị y tế, xuất nhập khẩu y tế được cấp có thẩm quyền của Nhà nước quyết định thành lập và được cấp giấy phép hoạt động hoặc hoạt động tạm thời gồm:

Doanh nghiệp thành lập theo Nghị định 388/HĐBT ngày 20 tháng 11 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về ban hành Quy chế thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà

nước.

Các đơn vị đăng ký thành lập doanh nghiệp theo Nghị định 388/HĐBT được Bộ chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét duyệt nhưng chưa được thông báo quyết định của Chính phủ.

III. NGUYÊN TẮC XẾP HẠNG

1. Việc xếp hạng các doanh nghiệp ngành Y tế được xác định theo 2 nhóm chỉ tiêu chính là: độ phức tạp của quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh đối với từng loại hình doanh nghiệp có quy định cụ thể tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Hạng của doanh nghiệp được chia làm 4 hạng từ hạng I đến hạng IV. Các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp nếu cần thiết phải xếp hạng thì thực hiện theo quy định tại mục II Thông tư 28/LB-TT ngày 2/12/1993 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính.
3. Thời hạn để xem xét lại hạng doanh nghiệp là 3 năm.

IV. TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG

A. TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG DOANH NGHIỆP ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ SAU:

1. Độ phức tạp quản lý.

a. Vốn sản xuất kinh doanh: Gồm 2 chỉ tiêu.

Tổng số vốn theo quyết toán năm trước sát với năm đề nghị xếp hạng bao gồm: Vốn Nhà nước cấp và vốn doanh nghiệp tự bổ sung.

Tỷ trọng vốn tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh được tính theo công thức:

$$\text{Số vốn tham gia vào sản xuất kinh doanh} \times 100$$

$$\text{Tổng số vốn (ngân sách + bổ sung)}$$

b. Trình độ công nghệ:

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng loại doanh nghiệp ngành y tế. Chỉ tiêu này được đánh giá trên các mặt sau:

Đối với doanh nghiệp sản xuất dược.

Độ phức tạp công nghệ của sản xuất.

Trình độ cơ khí hoá của dây chuyền sản xuất.

Trang thiết bị và trình độ kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh dược:

Chủng loại và số lượng mặt hàng kinh doanh.

Mạng lưới kinh doanh và đối tượng tương phục vụ.

Đối với doanh nghiệp sản xuất thiết bị y tế.

Thủ công

Cơ khí

Nửa tự động và tự động.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh thiết bị y tế.

Chủng loại mặt hàng kinh doanh.

c. Tính chất và điều kiện hoạt động (đối với doanh nghiệp Dược) phạm vi hoạt động (đối với doanh nghiệp thiết bị y tế)

d. Số lượng lao động tính theo số lao động thường xuyên trong danh sách trả lương của doanh nghiệp (trừ lao động hợp đồng theo vụ, việc).

2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(Đối với dược và trang thiết bị y tế là hiệu quả kinh tế xã hội).

a. Doanh thu (đối với sản xuất), doanh số bán (đối với kinh doanh) được đánh giá trên 2 mặt).

Tổng doanh thu doanh số bán.

Tỷ trọng doanh thu là sản phẩm đảm bảo yêu cầu phục vụ phòng bệnh, khám, chữa bệnh, là sản phẩm đặc thù cần khuyến khích bao gồm các loại sau đây:

Thuốc xã hội, thuốc chống dịch, thuốc tối cần theo danh mục của Bộ Y tế (đối với doanh nghiệp dược).

Thiết bị y tế là sản phẩm thiết yếu phục vụ dân số và kế hoạch hoá gia đình, cho y tế cơ sở, cho các chuyên khoa: ngoại, sản, nhi, hoá chất xét nghiệm, hoá chất phóng xạ, hoá chất chống dịch (đối với doanh nghiệp thiết bị y tế).

Sản xuất nguyên liệu hoá dược, nguyên liệu kháng sinh.

Sản xuất và kinh doanh dược liệu, thuốc y học dân tộc.

Đối với những doanh nghiệp thực hiện cả 2 chức năng sản xuất và kinh doanh lưu thông phân phối thì lấy 1 trong hai tiêu thức doanh thu hoặc doanh số bán theo chức năng chủ yếu, chức

năng còn lại được tính quy đổi theo hệ số quy định.

b. Thực hiện nghĩa vụ Nhà nước (các khoản nộp ngân sách) được đánh giá trên hai mặt:

Tổng số nộp trong năm.

Tỉ lệ nộp so với tổng số vốn.

c. Lợi nhuận thực hiện: Là lợi nhuận doanh nghiệp thu được sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ Nhà nước (không kể thuế lợi tức).

d. Tỉ xuất lợi nhuận được tính theo công thức:

$$\frac{\text{Số vốn tham gia vào sản xuất kinh doanh}}{\text{Tổng số vốn (ngân sách + bổ sung)}} \times 100$$

B. TIÊU CHUẨN CỤ THỂ XẾP HẠNG CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI BỐN PHỤ LỤC BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ NÀY

Phụ lục số 1: Tiêu chuẩn xếp các doanh nghiệp sản xuất được.

Phụ lục số 2: Tiêu chuẩn xếp hạng các doanh nghiệp kinh doanh lưu thông phân phối Được, xuất nhập khẩu y tế.

Phụ lục số 3: Tiêu chuẩn xếp hạng các doanh nghiệp sản xuất thiết bị y tế.

Phụ lục số 4: Tiêu chuẩn xếp hạng các doanh nghiệp kinh doanh lưu thông phối hợp thiết bị y tế.

Các chỉ tiêu nếu không đạt mức tối thiểu quy định trong các phụ lục trên không được tính điểm (0 điểm).

C. HỆ SỐ BỔ SUNG:

Xét tính chất và điều kiện khó khăn của vùng lãnh thổ, vì vậy quy định thêm hệ số bổ sung cho một số doanh nghiệp vùng như sau:

Doanh nghiệp ở miền núi, hải đảo sau khi tính điểm theo các tiêu chuẩn được công thêm: 6 điểm.

Doanh nghiệp ở vùng trung du sau khi tính điểm theo các tiêu chuẩn quy định được công thêm: 3 điểm.

(Xác định các tỉnh miền núi, trung du thực hiện theo quy định của Ủy ban dân tộc và miền núi).

D. BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG:

Hạng	I	II	III	IV
Khung điểm	95 - 100	70 - 94	55 - 69	30 - 54

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Căn cứ tiêu chuẩn xếp hạng đối với từng loại hình doanh nghiệp được quy định tại Thông tư này, các Bộ, địa phương tiến hành xếp hạng cho các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý theo phân cấp sau:

Doanh nghiệp hạng I: Các Bộ, địa phương lập hồ sơ gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Y tế xem xét thoả thuận, Bộ chủ quản hoặc địa phương ra quyết định xếp hạng.

Doanh nghiệp hạng II: Các Bộ, địa phương lập hồ sơ gửi Bộ Y tế xem xét thoả thuận, Bộ chủ quản hoặc địa phương ra quyết định xếp hạng.

Doanh nghiệp hạng III trở xuống: Các Bộ, địa phương xem xét ra quyết định xếp hạng.

Hồ sơ đề nghị xếp hạng gồm:

Phân tích đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất.

Quyết toán năm trước của doanh nghiệp sát với năm đề nghị xếp hạng.

Báo cáo đánh giá chấm điểm theo tiêu chuẩn xếp hạng của doanh nghiệp.

Hạng doanh nghiệp đề nghị.

2. Doanh nghiệp không đạt điểm chuẩn để xếp hạng thì không được xếp vào hạng. Tiền lương của viên chức lãnh đạo trong các doanh nghiệp này được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 5 mục II Thông tư số 28-LB -TT ngày 2/12/19993 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính.

3. Đối với các đơn vị cấp trên doanh nghiệp không thực hiện xếp hạng doanh nghiệp. Bộ chủ quản cùng với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội -Tài chính sẽ xem xét từng đơn vị cụ thể